

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2019/HS-ST
Ngày 26- 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Y Míp Niê; Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí (Nguyên là giáo viên)

2/Ông Nguyễn Thanh Phong; Nghề nghiệp: Cán bộ huyện ủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Bùi - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn C (Lê C), sinh năm 1959 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố 3, phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; Chỗ ở trước khi phạm tội: Tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ văn hoá (học vấn): 3/9; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Phước C (Chết) và bà Trương Thị L, sinh năm 1930; bị cáo có vợ là Phan Thị Thu L, sinh năm 1968 (Đã ly hôn) và có 02 con (Lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1990); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957, vắng mặt

Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

+ Người làm chứng: Anh Phan Long T, vắng mặt

Trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn C (C) làm nghề bán vé số. Trong thời gian bán vé số, C thấy có nhiều người hỏi đánh bạc bằng hình thức ghi số đề nên C nảy sinh ý định ghi số đề cho các con bạc để lấy tiền. Cụ thể như sau:

Ngày 23 tháng 9 năm 2018, tại khu vực nhà trọ của bà Nguyễn Thị T thuộc tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, C ghi số đề cho các con bạc với tổng giá trị thắng thua là 9.030.000đ. Trong đó C thu lợi bất chính số tiền 3.180.000đ.

Tương tự vào khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 24 tháng 9 năm 2018, C ghi số đề cho Nguyễn Văn T và đối tượng tên H (Cả hai đều không rõ nhân thân lai lịch) và một số con bạc khác với tổng tỷ lệ thắng thua là 4.810.000đ. C đang thực hiện việc ghi chép thì bị bắt quả tang thu giữ cùng với tang vật.

Bản cáo trạng số 40/CT - VKS ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo về tội: “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội đánh bạc và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Đồng thời đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì mà xin được tự cải tạo ngoài đời sống xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Ngày 23 tháng 9 năm 2018, tại khu vực tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, Lê Văn C có hành vi ghi số đề cho các con bạc với tổng tỷ lệ thắng thua là 9.030.000đ. Do đó bị cáo đã phạm vào tội: “*Đánh bạc*”. Tội phạm, hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét thấy hành vi của bị cáo không những xâm hại đến trật tự công cộng mà còn xâm phạm đến trị an trong xã hội. Mặc dù bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng

tiền hay bằng hiện vật là trái với quy định của pháp luật. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, coi thường trật tự trị an trong xã hội nên ngày 23 tháng 9 năm 2018, bị cáo đã ghi sổ đề cho các con bạc với tổng tỷ lệ thắng thua là 9.030.000đ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì vậy đòi hỏi pháp luật phải có biện pháp trừng trị thích đáng đối với bị cáo. Có như vậy mới đủ tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo biết ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo đối với hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định trong Bộ luật hình sự, do đó Hội đồng xét xử áp dụng để giảm cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[5] Xét thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng và có nơi cư trú rõ ràng. Mặt khác bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo tự cải tại ngoài đời sống xã hội dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội mang tính lợi nhuận cho nên Hội đồng xét xử phạt bị cáo một khoản tiền để sung công quỹ Nhà nước.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động, hiệu Nokia là tài sản bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội và số tiền 1.119.000đ là tài sản mà các con bạc sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ. Đối với số tiền 3.180.000đ bị cáo có được là do phạm tội mà có do đó truy thu sung công quỹ. Đối với 02 tịch đề, 01 tờ giấy ô ly, 01 cuốn vở học sinh là tang vật của vụ án và là tài liệu đang lưu trữ trong hồ sơ vì vậy tiếp tục lưu trong hồ sơ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Đối với căn phòng mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội là tài sản của bà Nguyễn Thị T. Khi bị cáo sử dụng, bà T không biết nên không tịch thu giá trị của căn phòng.

[8] Về khấu trừ một phần thu nhập: Vì bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định do đó miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

[9] Về án phí: Do bị cáo bị kết án về tội đánh bạc nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 200.000đ.

[10] Các vấn đề khác: Đối với hành vi đánh bạc của bị cáo ngày 24 tháng 9 năm 2018, nhưng không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên công an đã xử lý hành chính. Đối với Nguyễn Văn T và đối tượng tên H tham gia đánh bạc với bị cáo vào ngày 24 tháng 9 năm 2018, nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch vì vậy cơ quan điều tra tách ra để xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật

hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội: “*Đánh bạc*”.

2. Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Lê Văn C 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành Bản án và bản sao Bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

- Về khấu trừ một phần thu nhập: Áp dụng khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự. Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động, hiệu Nokia và số tiền 1.119.000đ. Truy thu của bị cáo số tiền 3.180.000đ để sung công quỹ Nhà nước (Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lưu hồ sơ vụ án).

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

- Bị cáo Lê Văn C;

- Bà Nguyễn Thị T;

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

- Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

- Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

- Lưu hồ sơ vụ án;

- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

ĐỖ VĂN DŨNG

